

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 11/3/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Bà Đào Thị Mộng Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Đạc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06a/2024/QĐXXS-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 19/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 02 H, phường TC, quận Đ, T phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bạch Y – Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh huyện Hàm Thuận Bắc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Kim L – Giám đốc phòng giao dịch Hàm N

Địa chỉ: Khu phố PC, thị trấn PL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1975

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt đại diện của nguyên đơn và bà N; vắng mặt ông T1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/4/2020, vợ chồng bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T1 (do bà N đại diện theo ủy quyền) với Ngân hàng A huyện Hàm Thuận Bắc - Phòng giao dịch Hàm N có ký hợp đồng cấp tín dụng số 8410LAV202003572 với nội dung: Vay số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích vay: Bù đắp chi phí chăn nuôi bò, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền (29/4/2020), được gia hạn thêm tới ngày 29/4/2022. Lãi suất vay: 9,5%/năm, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân theo quy định của ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm. Thực hiện hợp đồng trên, ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho vợ chồng bà N, ông T1.

Tài sản đảm bảo:

Cho vay không đảm bảo một phần tương ứng với 120.000.000 đồng theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ được sửa chữa bổ sung tại Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

Tài sản đảm bảo cho một phần khoản vay tương ứng với số tiền gốc 180.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có) theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020 151 – HL/TC - ngày 27/4/2020) gồm quyền sử dụng đất sau: Thửa đất số 772, tờ bản đồ số 01 (10-236464+242464+230464), diện tích 3.318m² tọa lạc tại thôn B, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 558453 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 07/02/2013 đứng tên ông Trần Văn H và bà Lê Thị N1, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N ngày 17/4/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà N mới trả được cho ngân hàng 99.800.000 đồng tiền gốc và 53.910.595 đồng. Kể từ ngày 30/4/2022 thì ông T1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 11/3/2024, ông T1 và bà N còn nợ ngân hàng 259.776.460 đồng (trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng).

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông T1 và bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 11/3/2024 là 259.776.460 đồng (trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng). Do ông T1 và bà N đã ly hôn nên mỗi người phải trả ½ số nợ trên. Ngoài ra ông T1 và bà N còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp bà N và ông T1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng, nhưng hiện nay đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc theo Quyết định số

150/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021.

Trong thời kỳ hôn nhân, do có nhu cầu vay vốn chăn nuôi nên vợ chồng bà có vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp Chi nhánh huyện Hàm Thuận Bắc. Theo hợp đồng tín dụng số 4810 LAV202003572 ngày 29/4/2020 thì vợ chồng bà vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng (được gia hạn thêm 12 tháng), lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 180.000.000 đồng gốc là thửa đất 772 diện tích 3318,0m² theo giấy chứng nhận số BM 558453 do UBND Hàm Thuận Bắc cấp ngày 07/02/2013, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N ngày 17/4/2020. Sau khi vay vốn do nuôi bò thua lỗ nên không trả tiền đúng hạn cho ngân hàng. Nay vợ chồng bà đang nợ ngân hàng 200.200.000 đồng tiền gốc, cùng tiền lãi theo như lời trình bày của ngân hàng là đúng.

Sau khi hai vợ chồng ly hôn thì bà vẫn tiếp tục trả gốc và lãi cho ngân hàng, đến ngày 30/4/2022 thì không trả nữa. Nay theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà chấp nhận theo yêu cầu của ngân hàng, nhưng do vợ chồng ly hôn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết: bà trả ½ số tiền gốc và lãi cho ngân hàng, ông T1 trả ½ số tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Còn đối với khoản tiền gốc và lãi mà tôi đã trả cho ngân hàng từ khi ly hôn tới nay thì bà không yêu cầu ông cần trừ lại cho bà. Nếu không trả được nợ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và niêm yết hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1 nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn là ông T1 chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 11/3/2024 là 259.776.460 đồng (trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng). Phân chia theo phần, mỗi người trả ½ khoản nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 558453 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 07/02/2013 đứng tên ông Trần

Văn H và bà Lê Thị N1, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N ngày 17/4/2020 để thu hồi các khoản nợ tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có) trong đó số tiền gốc là 180.000.000 đồng trong số nợ gốc còn lại 200.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng A khởi kiện ông T1 và bà N yêu cầu trả tiền vay, nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. bà N và ông T1 có địa chỉ tại Thôn B, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T1:

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: “Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa” theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T1 vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông T1 tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[3] Về yêu cầu trả tiền gốc và lãi:

[3.1] Tại phiên tòa. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ của hợp đồng tín dụng số 8410LAV202003572 ngày 29/4/2020 tính đến ngày 11/3/2024 là 259.776.460 đồng(trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng). Ngoài ra ông T1 và bà N còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số 8410LAV202003572 ngày 29/4/2020 được ký kết giữa Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn –Chi nhánh huyện Hàm Thuận Bắc- Phòng giao dịch Hàm N với bà N và ông T1 là hợp lệ. Hợp đồng này có hình thức và nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng đã được các bên thỏa thuận ký kết về thời hạn cho vay và thời hạn thanh toán nợ, thời hạn chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, bà N và ông T1 không thực hiện nghĩa vụ đúng

cam kết theo hợp đồng đã ký. Theo hợp đồng trên tính đến ngày 11/3/2024, bà N và ông T1 còn nợ số tiền 259.776.460 đồng (trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng). Ngoài ra ông T1 và bà N còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8410LAV202003572 ngày 29/4/2020. Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280; Điều 351 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng A đối với các khoản nợ trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét tại thời điểm vay, ông T1 và bà N là vợ chồng, cùng thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với ngân hàng, nên xác định đây là nợ chung của ông T1 và bà N. Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288, Điều 290 Bộ luật dân sự thì ông T1 và bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng A, phân chia theo phần mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và nợ lãi. Xét trong quá trình trả gốc và lãi từ khi vợ chồng ly hôn thì một mình bà N trả, bà N không yêu cầu cản trừ nên không xét.

Kể từ ngày 12/3/2024, ông T1, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc và lãi phạt chậm trả lãi (nếu có) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 8410LAV202003572 ngày 29/4/2020.

[3.2] Về xử lý tài sản đảm bảo:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020 151-HL/TC ngày 27/4/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 772, tờ bản đồ số 01(10-236464+242464+230464), diện tích 3.318m² tọa lạc tại thôn B, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 558453 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 07/02/2013 đứng tên ông Trần Văn H và bà Lê Thị N1, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N ngày 17/4/2020 nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan- nếu có) trong đó số tiền gốc là 180.000.000 đồng. Xét, hợp đồng thế chấp được công chứng theo đúng quy định và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hàm Thuận Bắc. Xét thấy, theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm nếu đến hạn trả nợ mà bên có nghĩa vụ không thanh toán xong nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không trả được nợ cho Ngân hàng thì phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan - nếu có) trong đó số tiền gốc là 180.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 303 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ngân hàng A không phải chịu án phí DSST.

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí DSST tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 303, Điều 323, Điều 351 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A

Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến ngày 11/3/2024 là 259.776.460 đồng (trong đó: Nợ gốc 200.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 39.565.553 đồng, nợ lãi quá hạn 20.010.907 đồng). Phân chia theo phần: Bà Lê Thị N cho ngân hàng số tiền 100.100.000 đồng tiền gốc và 29.788.230 đồng tiền lãi; ông Nguyễn Văn T1 trả cho ngân hàng số tiền 100.100.000 đồng tiền gốc và 29.788.230 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 12/3/2024, ông T1, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 8410LAV202003572 ngày 29/4/2020.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với thửa đất số 772, tờ bản đồ số 01 (10-236464+242464+230464), diện tích 3.318m² tọa lạc tại thôn B, xã HL, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 558453 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 07/02/2013 đứng tên ông Trần Văn H và bà Lê Thị N1, cập nhật sang tên ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N ngày 17/4/2020 để thu hồi các khoản nợ tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan - nếu có) trong đó số tiền gốc là 180.000.000 đồng trong số nợ gốc còn lại 200.200.000 đồng.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp, đối trừ các khoản nợ phải thanh toán, nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì bà N và ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Ngân hàng A số tiền còn thiếu.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

-Về án phí:

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 5.964.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019630 ngày 19/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn T1, mỗi người phải chịu 6.494.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2024) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Bắc
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Hôn

